

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Xuân Tư.

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2023/TLST- HNGĐ ngày 13/3/2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị D; Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn C; Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Quàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, đã ly thân từ năm 2015. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Quàng Văn C.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung : Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: Cháu Quàng Văn T, sinh ngày 03/6/2002 và cháu Quàng Thị C, sinh ngày 01/11/2005. Cháu Quàng Văn T đã trưởng thành đủ khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D đề nghị được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quảng Thị C cho đến khi các cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung : Chị D cam đoan không có nợ chung.

Ngày 31/3/2023 chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị D, bị đơn anh Quảng Văn C: Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

Về hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị D, anh Quảng Văn C là quan hệ vợ chồng.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị xử giao cháu Quàng Thị C, sinh ngày 01/11/2005 cho chị D là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Anh Châu không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có và không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị D:* Ngày 15/5/2023 chị Lò Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn anh Quàng Văn C:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự : Giấy triệu tập đương sự; Biên bản tiếp cận công khai, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Quàng Văn C nhưng anh vẫn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng. Đến phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai chị Lò Thị D trình bày : Chị và anh Quàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, đã ly thân từ năm 2015. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Quàng Văn C.

Theo kết quả biên bản xác minh tại Ủy ban nhân xã Nậm Lầu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La như sau: Qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn thể hiện không có việc đăng ký kết hôn giữa chị Lò Thị D và anh Quàng Văn C.

Vì vậy chị Lò Thị D và anh Quảng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “ *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “ *Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”.*

Do đó đây là cuộc hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật bảo vệ, quan hệ giữa chị Lò Thị D và anh Quảng Văn C không được công nhận là quan hệ vợ chồng.

[3]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: Cháu Quảng Văn T, sinh ngày 03/6/2002 (đã trưởng thành đủ khả năng lao động) và cháu Quảng Thị C, sinh ngày 01/11/2005. Chị D đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quảng Thị C cho đến khi cháu trưởng thành, Anh Châu không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét Lò Thị D có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 08/5/2023 nguyện vọng của cháu Quảng Thị C muốn ở với mẹ, hiện tại cháu đang sống cùng với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý... Giao cháu Quảng Thị C cho chị Lò Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, sau khi ly hôn anh, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Chị Lò Thị D là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị D.

[8]. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị D và anh Quảng Văn C là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Xử giao cháu Quảng Thị C, sinh ngày 01/11/2005 cho chị Lò Thị D là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Anh Quảng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị D.

4. Về quyền kháng cáo : Chị Lò Thị D và anh Quảng Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiên Hải

